

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 25/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Diễm Kiều.

2. Ông Võ Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2017/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tố T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc P, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố D, phường E, Thành phố F, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2017).

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh T: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản làm việc của Tòa án, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố T là ông Đặng Ngọc P trình bày:

Nguyên vào năm 2015, bà T có bán thức ăn gia súc cho gia đình bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Minh T. Đến ngày 16/11/2015, giữa bà T với gia đình bà C làm giấy xác nhận nợ, theo đó gia đình bà C còn nợ số tiền thức ăn 205.061.000 đồng. Sau đó gia đình bà C trả được 35.000.000 đồng và ngưng không trả nữa. Như vậy gia đình bà C còn nợ số tiền 170.061.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù bà T yêu cầu gia đình bà C trả nợ nhiều lần. Bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn B và con bà C-ông B là anh Nguyễn Minh T cùng liên đới trả cho bà số tiền 193.061.000 đồng gồm 170.061.000 đồng tiền vốn và 23.000.000 đồng tiền lãi suất tạm tính từ ngày 15/3/2016 đến 15/9/2017 theo mức lãi suất 0,75%/tháng.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, ông P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đồng ý xin rút một phần yêu cầu tiền lãi suất, đồng ý việc vợ chồng bà C ông B và anh T trả tổng số tiền là 183.000.000 đồng gồm tiền gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi suất là 13.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 19/12/2017, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn B đồng thời được sự ủy quyền của Nguyễn Minh T trình bày:

Vào năm 2015, vợ chồng ông B và con là Minh T có mua thức ăn gia súc của bà Nguyễn Thị Tố T còn nợ số tiền là 170.061.000 đồng. Do năm 2016 vợ chồng ông nuôi vịt bị chết, bị lỗ, giá vịt thấp nên không đủ tiền để trả tiền thức ăn cho bà T. Hiện nay do kinh tế khó khăn vợ chồng ông không có khả năng trả một lần cho bà T. Vợ chồng ông và Minh T xin trả dần cho bà T đến hết số nợ trên, mỗi tháng trả là 2.000.000 đồng, xin bớt phần tiền lãi.

Bị đơn là Nguyễn Thị Kim C được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà C vắng mặt không lý do. Tòa án đã lập biên bản hòa giải không được đối với bà C, Tòa án đã lập Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn B được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên tòa nhưng

vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà C, ông B là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tố T và bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Minh T. Bà C, ông B, anh T cư trú tại xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về nội dung: Đây là hợp đồng mua bán giữa bên mua là bà C với bên bán là bà T, ông B, anh T. Bà T yêu cầu bà C, ông B và anh T cùng liên đới trả cho bà T số tiền còn thiếu là 183.000.000 đồng, trong đó gồm 170.000.000 đồng tiền nợ gốc và 13.000.000 đồng tiền lãi suất. Phía nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu tiền lãi suất và cụ thể là xin rút yêu cầu 10.000.000 đồng tiền lãi suất. Tại biên bản hòa giải ông B đã thừa nhận vợ chồng ông B-bà C và con là Minh T có mua thức ăn của bà T và thừa nhận còn thiếu bà T số tiền 170.061.000 đồng tiền gốc nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng thanh toán số tiền trên cho bà T. Ông B và anh T cũng đồng ý cùng bà C liên đới trả cho bà T số tiền là 170.000.000 đồng. Xét thấy lời thừa nhận của ông B là căn cứ buộc ông B, bà C và anh T phải có trách nhiệm cùng liên đới trả cho bà T số tiền nêu trên mà bà T không phải chứng minh.

Hiện nay bà C, ông B và anh T vẫn còn sống chung. Ông B khai nhận việc mua bán thức ăn gia súc với bà T là để chăn nuôi vịt, lo kinh tế trong gia đình. Như vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà C, ông B và anh T liên đới trả số tiền 183.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy cần buộc bà C, ông B và anh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền còn nợ là 183.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi suất là 13.000.000 đồng.

Về án phí DSST có giá ngạch 5%: Bà C, ông B và anh T phải liên đới nộp theo quy định của pháp luật: $183.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.150.000 \text{ đồng}$ (*Chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430 của Bộ luật dân sự, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Tố T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Minh T liên đới trả số tiền 10.061.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tố T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Minh T liên đới trả số tiền mua bán còn thiếu là 183.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu đồng*).

3. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tố T số tiền là 183.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, khoản tiền hoàn trả nêu trên chưa thi hành sẽ được áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

4. Án phí DSST có giá ngạch 5%:

Bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Minh T phải liên đới nộp là 9.150.000 đồng (*Chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.826.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0012668 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bà T, ông B, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà C được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các bên đương sự;
- THADS huyện;
- UBND Xã Tân Phú;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Phương